

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*Thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018*

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI  
GÒN CÔNG THƯƠNG**

## MỤC LỤC

	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
2- BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
3- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 8
4- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
5- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 12
6- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 50

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày bản báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Ngân hàng cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

### 1. Thông tin chung về Ngân hàng

#### Thành lập:

Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công Thương được thành lập theo giấy phép số 0034/NH-GP ngày 04/5/1993 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 059074 ngày 04/8/1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 22/06/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp.

Thời gian hoạt động của ngân hàng là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên.

Vốn điều lệ: 3.080.000.000.000 VND.

Tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, vốn điều lệ của Ngân hàng là: 3.080.000.000.000 đồng.

#### Hoạt động chính của Ngân Hàng bao gồm:

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi;
- Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức tín dụng trong nước;
- Vay vốn các tổ chức tín dụng khác;
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;
- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- Hùn vốn liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành;
- Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
- Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà Nước cho phép;
- Kinh doanh khách sạn và ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở);
- Thực hiện nghiệp vụ phát hành thẻ nội địa có thương hiệu SAIGONBANK Card.

**Trụ sở chính của Ngân hàng:** Số 2C Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng có 33 chi nhánh, 56 phòng giao dịch và trung tâm kinh doanh thẻ. Các chi nhánh được mở trên địa bàn miền Bắc, miền Trung, miền Nam và Tây Nguyên. Ngân hàng có một Công ty con.

### 2. Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ của Ngân hàng được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018

**3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

**Hội đồng quản trị**

Ông Phạm Văn Thông	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 19/06/2018
Ông Vũ Quang Lãm	Thành viên	Đảm nhiệm công việc Chủ tịch HĐQT từ ngày 19/06/2018
Bà Trần Thị Việt Ánh	Thành viên	
Ông Trần Thế Truyền	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Điều	Thành viên	
Ông Trần Sỹ Đồng	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên	

**Ban kiểm soát**

Ông Nguyễn Hữu Hạnh	Trưởng ban
Bà Vũ Quỳnh Mai	Kiểm soát viên
Bà Nguyễn Đào Phương Linh	Kiểm soát viên

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Vũ Quang Lãm	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 19/06/2018
Bà Võ Thị Nguyệt Minh	Phó Tổng giám đốc thường trực	Đảm nhiệm công việc Tổng Giám đốc từ ngày 19/06/2018
Ông Nguyễn Ngọc Lũy	Phó Tổng giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng giám đốc	
Ông Trần Thanh Giang	Phó Tổng giám đốc	
Bà Đỗ Thị Loan Anh	Kế toán trưởng	

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Phạm Văn Thông	Chủ tịch Hội đồng Quản trị đến ngày 18/06/2018
Ông Vũ Quang Lãm	Đảm nhiệm công việc Chủ Tịch Hội Đồng Quản trị từ ngày 19/06/2018

**4. Kiểm toán độc lập**

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM được chỉ định là kiểm toán viên thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018

### 5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của thời kỳ tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán đã đăng ký được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2018.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT. Tổng Giám Đốc

Phó Tổng Giám đốc



Võ Thị Nguyệt Minh





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing And Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957  
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: A12.17.586-SXHN /AISC-DN4

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:**

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Công Thương** được lập ngày 14 tháng 08 năm 2018, từ trang 05 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho thời kỳ tài chính 6 tháng đầu năm 2018 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Ngân hàng**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của ngân hàng tại ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ của ngân hàng hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2018 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

***Tp. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2018***

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC.**

  
**HUỲNH TIÊU PHỤNG**

**Số GCNDKHNKT: 1269-2018-005-1**

**Bộ Tài Chính Việt Nam cấp**

Branch in Hà Nội : 6 Floor, 36 Hoa Bình 4 St., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Hà Nội

Branch in Đà Nẵng : 350 Hai Phong St., Thanh Khê Dist., Đà Nẵng City  
Representative in Cần Thơ : 243/1A, 30/4 St., Ninh Kiều Dist., Cần Thơ City  
Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St., Hồng Bàng Dist., Hải Phòng

Tel : (84.24) 3782 0045 / 46 Fax : (84.24) 3782 0048 Email: hanoi@aisc.com.vn  
Tel : (84.236) 3715 619 Fax : (84.236) 3715 620 Email: danang@aisc.com.vn  
Tel : (84.292) 3813 004 Fax : (84.292) 3828 765  
Tel : (84.225) 356 9577 Fax : (84.225) 3569 576

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2018	31/12/2017
<b>A. TÀI SẢN</b>			
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.01	220.938	212.866
II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước	V.02	534.321	856.957
III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	V.03	3.203.287	3.031.689
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		3.203.287	3.006.689
2. Cho vay các TCTD khác		-	25.000
3. Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh	V.04	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	V.05	-	-
VI. Cho vay khách hàng	V.06	13.723.857	13.988.536
1. Cho vay khách hàng		13.851.908	14.105.444
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(128.051)	(116.908)
VII. Hoạt động mua nợ	V.07	-	-
1. Mua nợ		-	-
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.08	1.440.995	1.615.224
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		-	-
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		1.805.339	1.946.070
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(364.344)	(330.846)
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.09	123.397	123.397
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		125.655	125.655
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.258)	(2.258)



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2018	31/12/2017
<b>X. Tài sản cố định</b>		<b>1.132.356</b>	<b>1.081.746</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	743.700	708.548
a. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình		1.125.538	1.067.980
b. Hao mòn tài sản cố định hữu hình		(381.838)	(359.432)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định thuê tài chính		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.12	388.656	373.198
a. Nguyên giá tài sản cố định vô hình		469.170	452.225
b. Hao mòn tài sản cố định vô hình		(80.514)	(79.027)
<b>XI. Bất động sản đầu tư</b>	<b>V.13</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
<b>XII. Tài sản có khác</b>	<b>V.14</b>	<b>345.525</b>	<b>408.940</b>
1. Các khoản phải thu	V.14.1,2,3	182.479	146.200
2. Các khoản lãi, phí phải thu		116.936	158.871
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác	V.14.4	46.110	103.869
- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>20.724.676</b>	<b>21.319.355</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2018	31/12/2017
<b>B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
I. Các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	V.16	-	-
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.17	2.729.618	2.772.835
1. Tiền gửi của các TCTD khác		2.722.380	2.764.890
2. Vay các TCTD khác		7.238	7.945
III. Tiền gửi của khách hàng	V.18	14.223.268	14.849.499
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	V.05	-	-
V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	V.19	-	-
VI. Phát hành giấy tờ có giá	V.20	-	-
VII. Các khoản nợ khác		287.286	279.781
1. Các khoản lãi, phí phải trả		189.053	199.959
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	V.22	-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.21	98.233	79.822
4. Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		-	-
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>17.240.172</b>	<b>17.902.115</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2018	31/12/2017
<b>VIII. Vốn và các quỹ</b>	<b>V.23</b>	<b>3.484.504</b>	<b>3.417.240</b>
1. Vốn của TCTD		3.080.716	3.080.716
a. Vốn điều lệ		3.080.000	3.080.000
b. Vốn đầu tư XDCH		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		716	716
d. Cổ phiếu quỹ		-	-
e. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
g. Vốn khác		-	-
2. Quỹ của TCTD		281.249	273.060
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		1.676	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		120.863	63.464
<b>IX. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>20.724.676</b>	<b>21.319.355</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2018	31/12/2017
<b>I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>	<b>VIII.39</b>	<b>332.699</b>	<b>253.633</b>
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết giao dịch ngoại hối		-	-
Cam kết bán ngoại tệ		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C		85.302	91.091
5. Bảo lãnh khác		247.397	162.542

Tp. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2018

Lập bảng



Phạm Thị Mùa

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Loan Anh

KT. Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



Võ Thị Nguyệt Minh



# BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.24	753.483	735.973
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.25	426.262	401.763
<b>I. Thu nhập lãi thuần</b>		<b>327.221</b>	<b>334.210</b>
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		29.701	27.868
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		10.510	10.164
<b>II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>VI.26</b>	<b>19.191</b>	<b>17.704</b>
<b>III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>VI.27</b>	<b>10.552</b>	<b>11.237</b>
<b>IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>VI.28</b>	-	-
<b>V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>VI.29</b>	-	-
5. Thu nhập từ hoạt động khác		53.223	51.602
6. Chi phí hoạt động khác		8.347	21.380
<b>VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	<b>VI.31</b>	<b>44.876</b>	<b>30.222</b>
<b>VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>VI.30</b>	<b>1.608</b>	<b>400</b>
<b>VIII. Chi phí hoạt động</b>	<b>VI.32</b>	<b>214.262</b>	<b>181.547</b>
<b>IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>189.186</b>	<b>212.226</b>
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		77.603	52.319
<b>XI. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>111.583</b>	<b>159.907</b>
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		21.995	31.901
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
<b>XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>VI.33</b>	<b>21.995</b>	<b>31.901</b>
<b>XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>89.588</b>	<b>128.006</b>
<b>XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>		-	-
<b>XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VI.23.2</b>	<b>291</b>	<b>416</b>

Tp. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2018

Lập bảng



Phạm Thị Mùa

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Loan Anh

KT. Tổng Giám Đốc

Phó Tổng Giám đốc



Võ Thị Nguyệt Minh

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		795.418	717.881
02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả		(437.168)	(401.348)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		19.191	17.704
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		10.552	11.237
05. Thu nhập khác		(1.231)	(15.478)
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		46.096	30.437
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(190.390)	(160.515)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(13.658)	(34.548)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>		<b>228.810</b>	<b>165.370</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		-	-
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		174.229	200.008
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		253.536	(571.639)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(32.962)	(16.058)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(86.047)	(27.721)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		-	-
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		(43.217)	294.977
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		(626.231)	253.552
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		-	-
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		-	-
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		(13.926)	74.325
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		-	-
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(145.808)</b>	<b>372.814</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01. Mua sắm TSCĐ		(453)	(9.710)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		11	15.263
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		1.608	400
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		<b>1.166</b>	<b>5.953</b>

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	(123.200)
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	(123.200)
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(144.642)	255.567
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		4.101.512	2.557.214
VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá		1.676	(40)
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	VII.34	3.958.546	2.812.741

Tp. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2018

Lập bảng  
  
Phạm Thị Mùa

Kế toán trưởng  
  
Đỗ Thị Loan Anh

KT. Tổng Giám Đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
  
Võ Thị Nguyệt Minh